TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC KẠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HS-ST

Ngày: 20/6/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trung Xuân

2. Ông Vũ Đình Hưng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2023/TLST- HS ngày 17 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Ngọc Th (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02 tháng 11 năm 1972; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Bản Gi, xã D, thành phố B, tỉnh B1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc Đ (đã chết) và bà Vũ Thị Th1 (đã chết); có vợ là Hoàng Thị T và có 03 con (con lớn sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2008); tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 29/01/2013, bị Công an huyện B, tỉnh B1 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 1.000.000 đồng, đã nộp phạt ngày 11/3/2013.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

**** Nguyên đơn dân sự:*** Ủy ban nhân dân xã D, thành phố B, tỉnh B. Địa chỉ: Thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh B1. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lường Tuấn Nh – Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Quang Th2 – Công chức địa chính – Xây dựng xã D. Vắng mặt.

**** Người làm chứng***:

1. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1974. Trú tại thôn Bản Gi, xã D, thành phố B. Có mặt.

2. Ông Lâm Ngọc Á, sinh năm 1974. Trú tại thôn Bản Gi, xã D, thành phố B. Vắng mặt.

3. Ông Hoàng Huy Ngh, sinh năm 1989. Trú tại thôn Bản Gi, xã D, thành phố B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa tháng 10/2022, do có nhu cầu trồng cây lâm nghiệp để phát triển kinh tế gia đình, Bùi Ngọc Th chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền nhưng đã thuê 04 người không rõ họ tên, địa chỉ dùng dao phát dây leo, cỏ, chuối, lau tại khu đồi của gia đình tại thửa đất số 265 và thửa đất số 279, tờ bản đồ số 1 địa chỉ tại thôn Bản Gi, xã D, thành phố B, tỉnh B1, với tổng diện tích 15.982 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 529176 và số AP 529177 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 15/6/2009 mang tên Bùi Ngọc Th và Hoàng Thị T. Ngày 24/10/2022, Hạt Kiểm lâm thành phố B phối hợp cùng UBND xã D, thành phố B tiến hành tuần tra, kiểm tra rừng thì phát hiện Bùi Ngọc Th đang thuê người phát tại các lô rừng trên. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc theo quy định. Đầu tháng 11/2022, Bùi Ngọc Th đã tự ý đem cưa máy, dao đến các lô rừng trên rồi sử dụng cưa máy, dao chặt hạ những cây gỗ nhỏ mọc tự nhiên gồm Sung, Núc Nác, Kháo, Vàng Mương. Sáng ngày 22/12/2022, Th đến các lô rừng trên rồi tiến hành đốt, xử lý thực bì, khi đang đốt rừng thì bị Tổ công tác của Hạt Kiểm lâm thành phố B phối hợp cùng Công an xã D, thành phố B phát hiện và lập biên bản. Tại thời điểm kiểm tra, còn có bà Hoàng Thị T, ông Lâm Ngọc Á, ông Hoàng Huy Ngh đang có mặt tại khu rừng trên.

Ngày 26/12/2022, Hạt Kiểm lâm thành phố B đã tiến hành kiểm tra hiện trường, kết quả xác định: Khu rừng bị chặt, đốt phá thuộc lô rừng số 15, 23 khoảnh 1 và lô rừng số 13, 17 khoảnh 2, tiểu khu 338, rừng Pù Mộ, thôn Bản Gi, xã D, thành phố B. Diện tích rừng bị chặt, đốt phá là 6.331m^2 cụ thể: lô 15 khoảnh 1 và lô 17 khoảnh 2, tiểu khu 338 có diện tích rừng bị thiệt hại là 5.472 m^2 (năm nghìn bốn trăm bảy mươi hai mét vuông); lô 23 khoảnh 1 và lô 13 khoảnh 2, tiểu khu 338 có diện tích rừng bị thiệt hại là 859 m^2 (tám trăm năm mươi chín mét vuông), thuộc loại rừng sản xuất, trạng thái là rừng tự nhiên (Rừng hỗn giao Gỗ - Tre- Nứa núi đất và Đất có cây gỗ tái sinh núi đất). Số lượng lâm sản bị thiệt hại gồm: 109 (một trăm linh chín) cây gỗ tròn đã bị chặt hạ có nhóm gỗ từ nhóm VI đến nhóm VIII với tổng khối lượng là 5,761m^3 (năm phẩy bảy sáu một mét khối); 73 (bảy mươi ba) cây gỗ tròn có nhóm gỗ từ nhóm VI đến nhóm VIII chưa bị chặt hạ nhưng bị đốt làm cháy phần thân cây và táp lá cây úa vàng có tổng khối lượng 17,471m^3 (mười bẩy phẩy bốn bẩy một mét khối).

Ngày 28/12/2022, Hạt Kiểm lâm thành phố B chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố B để điều tra, xác minh theo quy định.

Ngày 03/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả xác định tổng diện tích rừng bị Bùi Ngọc Th đốt, phá trái phép là 6.331m^2 (sáu nghìn ba trăm ba mốt mét vuông) thuộc rừng Pù M, thôn Bản G, xã D, thành phố B, cụ thể: lô 15 khoảnh 1 và lô 17 khoảnh 2, tiểu khu 338 có diện tích rừng bị thiệt hại là 5.472 m^2 (năm nghìn bốn trăm bảy mươi

hai mét vuông); lô 23 khoảnh 1 và lô 13 khoảnh 2, tiểu khu 338 có diện tích rừng bị thiệt hại là 859 m^2 (tám trăm năm mươi chín mét vuông), thuộc loại rừng sản xuất, trạng thái là rừng tự nhiên (*Rừng hỗn giao Gỗ - Tre- Nứa núi đất và Đất có cây gỗ tái sinh núi đất*). Số lượng lâm sản bị thiệt hại gồm: 109 (một trăm linh chín) cây gỗ tròn đã bị chặt hạ có nhóm gỗ từ nhóm VI đến nhóm VIII với tổng khối lượng là 5,761m^3 (năm phẩy bảy sáu một mét khối); 73 (bảy mươi ba) cây gỗ tròn có nhóm gỗ từ nhóm VI đến nhóm VIII chưa bị chặt hạ nhưng bị đốt làm cháy phần thân cây và táp lá cây úa vàng có tổng khối lượng 17,471m^3 (mười bảy phẩy bốn bảy một mét khối).

Ngày 24/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra đối với 73 (bảy mươi ba) cây rừng chưa bị chặt hạ nhưng bị đốt cháy nêu trên, xác định 64 (sáu mươi bốn) cây đã phục hồi và phát triển bình thường, 09 (chín) cây gỗ tròn từ nhóm VII đến nhóm VIII đã chết có tổng khối lượng là 1,498m^3 (một phẩy bốn chín tám mét khối).

Tại Kết luận định giá tài sản số 84/KL-HĐĐGTSTXTTTHS ngày 27/03/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Bắc Kạn kết luận: *"Đối với 79(bảy chín) cây gỗ tròn, gỗ từ nhóm VI đến nhóm VIII, cây bị chặt hạ; 30 (ba mươi) cây không xác định được giống cây, gỗ nhóm VIII, bị chặt hạ; 09 (chín) cây gỗ tròn từ nhóm VII đến nhóm VIII, cây chưa chặt nhưng đã bị chết do bị đốt cháy, giá trị tài sản là 12.581.000 đồng (mười hai triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng)"*.

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 16/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Bùi Ngọc Th về tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2);

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc Th phạm tội "Hủy hoại rừng".

Áp dụng điểm b khoản 1, Điều 243 Bộ luật Hình sự; Điều 36; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã D, thành phố B, tỉnh B1 được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Bùi Ngọc Th cho Ủy ban

nhân dân xã D, thành phố B, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã D, thành phố B, tỉnh B1 số tiền 12.581.000 đồng (mười hai triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng), được trừ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, còn phải bồi thường tiếp số tiền là 9.581.000 đồng (chín triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng), để nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) cưa xăng có vỏ màu vàng cam nhãn hiệu HTIHL MS180, cưa xăng đã cũ, đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao nhọn có chuôi gỗ, đã qua sử dụng; 01 (một) bật lửa ga màu đỏ đã qua sử dụng. Tạm giữ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B1 để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Do có nhu cầu lấy đất trồng cây lâm nghiệp để phát triển kinh tế gia đình nên từ tháng 10/2022 đến ngày 22/12/2022, Bùi Ngọc Th đã có hành vi thuê người phát cây, sau đó Th đã dùng cưa máy, dao chặt cây và dùng bật lửa đốt rừng trái phép tại các lô rừng số 15, 23 khoảnh 1 và lô rừng số 13, 17 khoảnh 2, tiểu khu 338, rừng Pù M, thôn Bản Gi, xã D, thành phố B. Tổng diện tích rừng bị thiệt hại là 6.331m^2 (sáu nghìn ba trăm ba mốt mét vuông). Theo bản đồ 3 loại rừng xã D, thành phố B năm 2018 và Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B1 về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh B1 thì phần diện tích rừng bị thiệt hại thuộc loại rừng sản xuất, trạng thái rừng hỗn giao Gỗ - Tre, Nứa tự nhiên núi đất và Đất có cây gỗ tái sinh núi đất. Gây thiệt hại về lâm sản là 7,259m^3 (bảy phẩy hai năm chín

mét khối) gỗ tròn tự nhiên thuộc nhóm VI đến nhóm VIII có tổng trị giá 12.581.000 đồng (mười hai triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động quản lý bảo vệ rừng của Nhà nước, làm ảnh hưởng xấu đến công tác phát triển và bảo vệ rừng tại địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo không có tiền sự, tiền án. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã tự nguyện nộp số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tại cơ quan Thi hành án dân sự để bồi thường thiệt hại và có bố đẻ được Nhà nước tặng Bằng khen và Huân chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, bị cáo không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, mục đích bị cáo phát, đốt rừng là để trồng cây lâm nghiệp cải thiện đời sống kinh tế gia đình chứ không nhằm mục đích khai thác lâm sản, diện tích rừng mà bị cáo phát, đốt tuy là loại rừng sản xuất, trạng thái rừng hỗn giao nhưng trên đất là những cây gỗ nhỏ mọc xen lẫn những cây tạp. Mặt khác, hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, mới thoát nghèo, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tính răn đe, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo là lao động tự do, không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo để sung quỹ nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung "Phạt tiền" đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản là 12.581.000 đồng (mười hai triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng). Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường trên. Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu cầu của nguyên đơn dân sự. Do vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền 12.581.000 đồng (mười hai triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng). Ngày 11/5/2023, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự

thành phố Bắc Kạn để bồi thường. Do vậy, còn phải bồi thường tiếp số tiền là 9.581.000 đồng (chín triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) cưa xăng có vỏ màu vàng cam nhãn hiệu HTIHL MS180, đã qua sử dụng; 01 (một) dao nhọn có chuôi gỗ, đã qua sử dụng; 01 (một) bật lửa ga màu đỏ đã qua sử dụng. Là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước đối với chiếc cưa xăng. Đối với 01 (một) dao nhọn có chuôi gỗ đã qua sử dụng và 01 chiếc bật lửa ga do không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 7,259m^3(bẩy phẩy hai năm chín mét khối) gỗ tròn tự nhiên thuộc nhóm VI đến nhóm VIII, sau khi khám nghiệm hiện trường để tại hiện trường, Cơ quan điều tra đã bàn giao cho Hạt Kiểm lâm thành phố B trông coi, quản lý theo quy định. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã phối hợp Hạt Kiểm lâm thành phố B, Ủy ban nhân dân xã D và những người có liên quan tiến hành kiểm tra lâm sản tại thực địa, kết quả kiểm tra đã xác định toàn bộ đã mục nát, một số đã tự phân hủy, không còn giá trị sử dụng. Bị cáo và nguyên đơn dân sự không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B1 để bồi thường nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

* Đối với những người được Bùi Ngọc Th thuê để phát phá cây, do bị cáo không biết họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có thông tin để xác minh, xử lý.

* Đối với bà Hoàng Thị T, ông Hoàng Huy Ngh, ông Lâm Ngọc Á là những người có mặt tại khu rừng trên khi Tổ công tác phát hiện và lập biên bản hành vi hủy hoại rừng của Bùi Ngọc Th. Quá trình điều tra xác định những người trên không biết, không được bàn bạc với Bùi Ngọc Th trong việc phát phá, đốt rừng trái phép. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý những người trên là đúng quy định.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc Th phạm tội "Hủy hoại rừng".

* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự; Điều 36; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Th 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã D, thành phố B, tỉnh B1 được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Bùi Ngọc Th cho Ủy ban nhân dân xã D, thành phố B, tỉnh B1 giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Bùi Ngọc Th phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã D, thành phố B, tỉnh B1 số tiền 12.581.000 đồng (mười hai triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng), được trừ số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, còn phải bồi thường tiếp số tiền là 9.581.000 đồng (chín triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng), để nộp ngân sách Nhà nước.

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 (một) cưa xăng có vỏ màu vàng cam nhãn hiệu HTIHL MS180, cưa xăng đã cũ, đã qua sử dụng;

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) dao nhọn có chuôi gỗ, đã qua sử dụng; 01 (một) bật lửa ga màu đỏ đã qua sử dụng.

Tạm giữ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và chịu 479.050 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND thành phố;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương